

Báo cáo kết thúc quan hệ con nuôi												*Đọc phương pháp điền ở trang sau biểu thị bằng dấu "○" vào số hạng mục được lựa chọn phải điền.											
Phân loại				Cha nuôi								Mẹ nuôi											
① Cha mẹ nuôi	Họ tên	Tiếng Hàn quốc		Nguyên bản (chữ Hán)		Tiếng Hàn quốc		Nguyên bản (chữ Hán)				Tiếng Hàn quốc		Nguyên bản (chữ Hán)									
		Chữ Hán		Ngày tháng năm sinh		Chữ Hán		Ngày tháng năm sinh				Chữ Hán		Ngày tháng năm sinh									
		Số chứng minh nhân dân				-				Số chứng minh nhân dân				-									
		Nơi đăng ký cư trú tiêu chuẩn																					
		Địa chỉ																					
② Con nuôi	Họ tên	Tiếng Hàn quốc				Nguyên bản (chữ Hán)				Số chứng minh nhân dân													
		Chữ Hán				Ngày tháng năm sinh								-									
	Nơi đăng ký cư trú tiêu chuẩn																						
	Địa chỉ																						
③ Cha mẹ ruột của con nuôi	Cha	Họ tên				Nơi đăng ký cư trú tiêu chuẩn				Số chứng minh nhân dân													
														-									
	Mẹ	Họ tên				Nơi đăng ký cư trú tiêu chuẩn				Số chứng minh nhân dân													
																-							
④ Chi tiết khác																							
⑤ Ngày phiên tòa quyết định				Ngày tháng năm								Tên tòa án											
⑥ Người làm chứng	Họ tên	Đóng dấu hoặc ký tên				Số chứng minh nhân dân								-									
	Địa chỉ																						
	Họ tên	Đóng dấu hoặc ký tên				Số chứng minh nhân dân								-									
	Địa chỉ																						
⑦ Đồng ý của con	Cha	Họ tên										Đóng dấu hoặc ký tên											
	Mẹ	Họ tên										Đóng dấu hoặc ký tên											
	Họ hàng trực hệ	Đóng dấu hoặc ký tên				Số chứng minh nhân dân				-				Quan hệ									
	Người giám hộ	Đóng dấu hoặc ký tên		Số chứng minh nhân dân		-		Tòa án cấp phép				Ngày cấp phép		Ngày tháng năm									
⑧ Người báo cáo	Cha nuôi		Đóng dấu hoặc ký tên								Điện thoại												
											e-mail												
	Mẹ nuôi		Đóng dấu hoặc ký tên								Điện thoại												
											e-mail												
	Con nuôi		Đóng dấu hoặc ký tên								Điện thoại												
											e-mail												
	① Người đại diện hợp pháp của người chưa đến 15 tuổi		☐ Cha		Đóng dấu hoặc ký tên				Điện thoại														
			☐ Mẹ		Đóng dấu hoặc ký tên				Điện thoại														
			☐ Người giám hộ		Đóng dấu hoặc ký tên				Điện thoại														
	☐ Người giám hộ																						
② Họ hàng trực hệ		Thỏa thuận kết thúc con nuôi của người dưới 15 tuổi				Tòa án cấp phép				Ngày cấp phép		Ngày tháng năm											
③ Bên khiếu nại		Đóng dấu hoặc ký tên								Điện thoại													
④ Bên bị khiếu nại										email													
⑨ Người đệ trình		Họ tên						Số chứng minh nhân dân				-											

Phương pháp điền văn bản

- ※ Trường hợp cha mẹ nuôi hoặc con nuôi là người nước ngoài điền quốc tịch vào ô nơi đăng ký cư trú tiêu chuẩn
- Ô ① ô ②: Theo Luật pháp điều 25 khoản 2 ở ô số chứng minh nhân dân, khi điền số chứng minh nhân dân thì có thể bỏ qua điền ngày tháng năm sinh.
- Ô ④: Chi tiết dưới đây và ở bản đăng ký quan hệ gia đình, điền chi tiết cần thiết đặc biệt một cách rõ ràng.
- : Trường hợp con nuôi dưới 15 tuổi thỏa thuận kết thúc quan hệ con nuôi, người cho phép nhận con nuôi phải hiệp ý kết thúc quan hệ con nuôi, khi người đó tử vong ngoài lý do đó ra không thể thỏa thuận được, họ hàng trực hệ ở nơi sinh ra hoặc người giám hộ nhận sự cho phép của tòa án gia đình phải thỏa thuận, lý do đối với những trường hợp như vậy.
- Ô ⑦: Trường hợp con nuôi thỏa thuận kết thúc quan hệ con nuôi (từ 15 tuổi trở lên đến dưới 20 tuổi) phải nhận được sự đồng ý của cha mẹ trừ trường hợp lý do cha mẹ tử vong không thể đồng ý được nếu có họ hàng trực hệ khác, trong số họ hàng trực hệ trong trực hệ gần nhất phải nhận được sự đồng ý của người lớn tuổi nhất.
- : Trường hợp điều khoản trước người chưa trưởng thành không có được đồng ý của cha mẹ hay họ hàng trực hệ thì người giám hộ nhận sự cho phép của tòa án gia đình phải có sự đồng ý của người giám hộ.
 - : Khi cha mẹ nuôi hay con nuôi là người thiếu khả năng thì phải nhận sự đồng ý của người giám hộ.
- Ô ⑧: Ô con nuôi: con nuôi kết thúc quan hệ con nuôi đóng dấu ấn niêm phong (hoặc ký tên), nhưng khi thỏa thuận hiệp ý kết thúc quan hệ con nuôi của con nuôi dưới 15 tuổi thì trừ lý do người cho phép nhận người con nuôi đó tử vong khi không thể báo cáo được thì người họ hàng trực hệ ở sinh quán của con nuôi đó hoặc người giám hộ nhận sự cho phép của tòa án gia đình biểu thị bằng “○” vào mỗi số hạng mục thích hợp sau đó phải đóng dấu ấn niêm phong vào, trường hợp phiên tòa kết thúc quan hệ con nuôi được quyết định bên khiếu nại hoặc bên không khiếu nại có thể báo cáo độc lập. Trường hợp này biểu thị bằng “○” vào số hạng mục thích hợp sau đó đóng dấu ấn niêm phong (hoặc ký tên).
- Ô ⑨: Điền họ tên và số chứng minh nhân dân của người đệ trình (dù người báo cáo có hay không) [nhân viên công vụ tiếp nhận hồ sơ đối chiếu với giấy chứng nhận nhân thân]

Giấy tờ đính kèm

- ※ Khoản 1 dưới đây trường hợp có thể xác nhận nội dung đó bằng máy vi tính tại văn phòng đăng ký quan hệ gia đình thì có thể bỏ qua đính kèm
1. Giấy chứng nhận quan hệ nhận con nuôi của bản đăng ký quan hệ gia đình của bên liên quan kết thúc quan hệ con nuôi mỗi loại 1 bản.
 2. Trường hợp phiên tòa kết thúc quan hệ con nuôi, bản sao phán quyết và giấy chứng nhận quyết định mỗi loại 1 bản.
 3. Trường hợp thành lập điều chỉnh (hòa giải) của kết thúc quan hệ con nuôi: bản sao biên bản điều chỉnh (hòa giải) và giấy chứng nhận chuyển phát tận nơi : mỗi loại 1 bản.
 4. Giấy tờ chứng nhận đúng người thích hợp ở mỗi số điều 4 Luật đặc biệt: 1 bản, theo (「Luật đặc biệt liên quan đến thủ tục và xúc tiến nhận con nuôi」 con nuôi được nhận làm con nuôi do kết thúc quan hệ con nuôi làm bản báo cáo kết thúc quan hệ con nuôi, trường hợp để phục hồi họ và chữ họ nguyên bản nguyên gốc của con nuôi phải đính kèm bản báo cáo kết thúc quan hệ con nuôi.)
 5. Người đồng ý kết thúc nhận con nuôi, giấy tờ và trường hợp người giám hộ đồng ý kết thúc quan hệ con nuôi chứng nhận thực tế đồng ý đã viết hay người giám hộ trường hợp người giám hộ hoặc họ hàng trực hệ ở sinh quán thỏa thuận kết thúc quan hệ con nuôi, giấy phép của tòa án : 1 bản .
 6. Xác định nhân thân [theo điều số 23 quy tắc đăng ký quan hệ gia đình]
 - ① Kết thúc quan hệ con nuôi bằng phiên tòa
 - Trường hợp người báo cáo hiện diện: giấy chứng nhận nhân thân.
 - Trường hợp người đệ trình hiện diện: giấy chứng nhận nhân thân của người đệ trình.
 - Trường hợp đệ trình bằng bưu chính: bản phô tô giấy chứng nhận nhân thân của người báo cáo.
 - ② Trường hợp hiệp ý thỏa thuận
 - Trường hợp người báo cáo hiện diện: tất cả giấy chứng nhận nhân thân của người báo cáo.
 - Trường hợp người báo cáo không hiện diện, người đệ trình hiện diện: giấy chứng nhận nhân thân của người đệ trình và tất cả giấy chứng nhận nhân thân của người báo cáo hoặc công chứng chữ ký hoặc giấy chứng nhận dấu ấn niêm phong (người báo cáo không có giấy chứng nhận nhân thân, tại văn phòng báo cáo trường hợp người báo cáo ký tên thì công chứng chữ ký, trường hợp người báo cáo đóng dấu ấn niêm phong thì chứng nhận dấu ấn niêm phong).
 - Trường hợp đệ trình bằng bưu chính: tất cả công chứng chữ ký của người báo cáo hoặc giấy chứng nhận dấu ấn niêm phong (tại văn phòng báo cáo trường hợp ký tên thì công chứng chữ ký, trường hợp đóng dấu ấn niêm phong thì giấy chứng nhận dấu ấn niêm phong).
- ※ Thỏa thuận kết thúc quan hệ con nuôi Luật pháp điều 64 khoản 1 người thỏa thuận hiện diện nếu đính kèm giấy chứng nhận dấu ấn niêm phong hoặc xuất trình giấy chứng nhận nhân thân thì người báo cáo xuất trình giấy chứng nhận nhân thân hoặc đính kèm giấy chứng nhận dấu ấn niêm phong.

Báo cáo kết thúc quan hệ con nuôi

[파양신고서]

※ Phương pháp điền văn bản. (작성방법)

■ Trường hợp cha mẹ nuôi hoặc con nuôi là người nước ngoài điền quốc tịch vào ô nơi đăng ký cư trú tiêu chuẩn.

(양친 또는 양자가 외국인인 경우에는 그 등록기준지란에 국적을 기재합니다.)

① Bố mẹ nuôi (bồ/nuôi mẹ nuôi). 양친 (양부/양모)

※ Phương pháp điền văn bản từ số 1 ~ số 2. (작성방법 1번 ~ 2번)

■ Theo Luật pháp điều 25 khoản 2 ở ô số chứng minh nhân dân, khi điền số chứng minh nhân dân thì có thể bỏ qua điền ngày tháng năm sinh.

(법 제25조제2항에 따라 주민등록번호란에 주민등록번호를 기재한 때에는 출생 연월일의 기재를 생략할 수 있습니다.)

- Cha mẹ nuôi (bố nuôi / mẹ nuôi)ghi họ tên bằng chữ hàn quốc với chữ hán.
(양친(양부/양모)의 성명을 한글과 한자로 쓰세요)
- Bố mẹ nuôi (bố nuôi /mẹ nuôi)khai nguyên bản bằng chữ hán.
(양친(양부/양모)의 본을 한자로 쓰세요.)
- Bố mẹ nuôi(bố nuôi /mẹ nuôi) ngày ,tháng ,năm , sinh.
(양친(양부/양모)의 출생연월일을 쓰세요.)
- Bố mẹ nuôi(bố nuôi /mẹ nuôi) số chứng minh nhân dân
(양친(양부/양모)의 주민등록번호를 쓰세요.)
- Bố mẹ nuôi (bố nuôi /mẹ nuôi)địa chỉ và nơi đăng ký cư chú tiêu chuẩn.
(양친(양부/양모)의 등록기준지와 주소를 쓰세요.)

② Con nuôi. (양자)

- Họ tên của con nuôi ghi bằng chữ hàn quốc với chữ hán.
(양자의 성명을 한글과 한자로 쓰세요)
- Con nuôi khai nguyên bản bằng chữ hán. (양자의 본을 한자로 쓰세요)
- Số chứng minh nhân dân của con nuôi. (양자의 주민등록번호를 쓰세요)
- Ngày ,tháng ,năm ,sinh ,của con nuôi. (양자의 출생연월일을 쓰세요)
- Địa chỉ và nơi đăng ký cư chú tiêu chuẩn của con nuôi.
(양자의 등록기준지와 주소를 쓰세요)

③ Bố mẹ đẻ của con nuôi (bồ/mẹ)양자의 친생부모(부/모)

- Họ tên của bố mẹ đẻ. (친생부모의 성명을 쓰세요.)
- Số chứng minh nhân dân của con nuôi. (양자의 주민등록번호를 쓰세요)
- Địa chỉ và nơi đăng ký cư chú tiêu chuẩn của con nuôi.
(양자의 등록기준지와 주소를 쓰세요)

④ Khác. (기타)

※ Phương pháp điền văn bản. (작성방법)

■ Chi tiết dưới đây và ở bản đăng ký quan hệ gia đình, điền chi tiết cần thiết đặc biệt một cách rõ ràng.

(아래의 사항 및 가족관계등록부에 기록을 분명하게 하는데 특히 필요한 사항을 기재합니다.)

■ Trường hợp con nuôi dưới 15 tuổi thỏa thuận kết thúc quan hệ con nuôi, người cho phép nhận con nuôi phải hiệp ý kết thúc quan hệ con nuôi, khi người đó tử vong ngoài lý do đó ra không thể thỏa thuận được, họ hàng trực hệ ở nơi sinh ra hoặc người giám hộ nhận sự cho phép của tòa án gia đình phải thỏa thuận, lý do đối với những trường hợp như vậy.

(협의과양을 하는 양자가 만15세 미만인 경우에는 양자의 입양 당시 입양을 승낙한 자가 과양의 협의를 하여야 하고, 그 자가 사망 그 밖의 사유로 협의를 할 수 없는 때에는 생가의 다른 직계존속 또는 후견인이 가정법원의 허가를 받아 협의를 하여야 하는데 그러한 경우에는 그 사유)

⑤ Ngày phiên tòa quyết định. (재판확정일자)

- Ngày phiên tòa quyết định (ngày ,tháng ,năm ,)với tên tòa án.
(재판확정일자(년,월,일)와 법원명을 쓰세요)

⑥ Người làm chứng. (증인)

- Họ tên và chữ ký đóng dấu của người làm chứng.
(증인의 성명과 서명날인하세요.)
- Số chứng minh nhân dân của người làm chứng.(증인의 주민등록번호를 쓰세요.)
- Địa chỉ của người làm chứng. (증인의 주소를 쓰세요.)

⑦ Đồng ý của con. (동의자)

※ Phương pháp điền văn bản. (작성방법)

■ Trường hợp con nuôi thỏa thuận kết thúc quan hệ con nuôi từ 15 tuổi trở lên đến dưới 20 tuổi) phải nhận được sự đồng ý của cha mẹ trừ trường hợp lý do cha mẹ tử vong không thể đồng ý được nếu có họ hàng trực hệ khác, trong số họ hàng trực hệ trong trực hệ gần nhất phải nhận được sự đồng ý của người lớn tuổi nhất.

(협의과양을 하는 양자가 미성년자(만15세 이상 만20세 미만)인 경우에는 부·모의 동의를 받아야 하며 부·모가 사망 그 밖의 사유로 인하여 동의를 할 수 없는 경우에는 다른 직계존속이 있으면 직계존중 제일 가까운 존속 중·연장자 순으로 동의를 받아야 합니다.)

- Họ tên với chữ ký đóng dấu của bố. (부의 성명과 서명날인하세요.)
- Họ tên với chữ ký đóng dấu của mẹ. (모의 성명과 서명날인하세요.)
- Họ tên và chữ ký đóng dấu của họ hàng trực hệ.
(직계존속의 성명과 서명날인하세요.)
- Số chứng minh nhân dân của họ hàng trực hệ.
(직계존속의 주민등록번호를 쓰세요.)
- Mỗi quan hệ với con nuôi. (양자와의 관계를 쓰세요.)

※ Phương pháp điền văn bản. (작성방법)

■ Trường hợp điều khoản trước người chưa trưởng thành không có được đồng ý của cha mẹ hay họ hàng trực hệ thì người giám hộ nhận sự cho phép của tòa án gia đình phải có sự đồng ý của người giám hộ.

(전항의 경우 미성년자에게 동의할 부·모나 직계존속이 없으면 가정법원의 허가를 받은 후견인의 동의가 있어야 합니다.)

■ Khi cha mẹ nuôi hay con nuôi là người thiếu khả năng thì phải nhận sự đồng ý của người giám hộ.

(양친이나 양자가 금치산자인 때에는 후견인의 동의를 받아야 합니다.)

- Họ tên và chữ ký đóng dấu của người giám hộ.
(후견인의 성명과 서명날인하세요.)
- Số chứng minh nhân dân của người giám hộ.(후견인의 주민등록번호를 쓰세요.)
- Tên của tòa án cấp phép. (허가법원의 이름을 쓰세요.)
- Ngày cấp phép. (허가날짜를 쓰세요.)

⑧ Người báo cáo. (신고인)

※ Phương pháp điền văn bản. (작성방법)

■ Ô con nuôi: con nuôi kết thúc quan hệ con nuôi đóng dấu ấn niêm phong (hoặc ký tên), nhưng khi thỏa thuận hiệp ý kết thúc quan hệ con nuôi của con nuôi dưới 15 tuổi thì trừ lý do người cho phép nhận người con nuôi đó từ vong khi không thể báo cáo được thì người họ hàng trực hệ ở sinh quán của con nuôi đó hoặc người giám hộ nhận sự cho phép của tòa án gia đình biểu thị bằng “○” vào mỗi số hạng mục thích hợp sau đó phải đóng dấu ấn niêm phong vào, trường hợp phiên tòa kết thúc quan hệ con nuôi được quyết định bên khiếu nại hoặc bên không khiếu nại có thể báo cáo độc lập. Trường hợp này biểu thị bằng “○” vào số hạng mục thích hợp sau đó đóng dấu ấn niêm phong (hoặc ký tên).

(양자란은 과양을 하는 양자가 기명날인(또는 서명)하며, 다만 협의 과양을 하는 양자가 15세 미만인 때에는 그 양자 입양시 입양을 승낙한 자가, 그 자가 사망 그 밖의 사유로 신고할 수 없는 때에는 가정법원의 허가를 받은 생가의 다른 직계존속 또는 후견인이 각각 그 해당 되는 항목번호에 “○”으로 표시한 후 기명날인(또는 서명)하고할 수 있습니다. 이 경우에도 해당 항목번호에 “○” 으로 표시한 후 기명날인(또는 서명)합니다.)

- Họ tên và chữ ký ,đóng dấu của bố nuôi. (양부의 성명과 서명날인하세요.)
- Số điện thoại và e-mail của bố nuôi. (양부의 전화번호와 이메일을 쓰세요.)
- Họ và tên chữ ký đóng dấu của mẹ nuôi. (양모의 성명과 서명 날인하세요.)
- Số điện thoại và e-mail của mẹ nuôi. (양부의 전화번호와 이메일을 쓰세요.)
- Họ và tên chữ ký ,đóng dấu của con nuôi. (양자의 성명과 서명날인하세요.)
- Số điện thoại và e-meil của con nuôi. (양자의 전화번호와 이메일을 쓰세요.)

❖ Người đại diện hợp pháp của người chưa đến 15 tuổi. (15세미만자의 법정대리인)

- Họ và tên .chữ ký .đóng dấu của bố. (부의 성명과 서명날인하세요.)
- Số điện thoại và e-meil của bố. (부의 전화번호와 이메일을 쓰세요.)
- Họ và tên chữ ký đóng dấu của mẹ. (모의 성명과 서명날인하세요.)
- Số điện thoại và e-meil của mẹ. (모의 전화번호와 이메일을 쓰세요.)
- Họ và tên chữ ký đóng dấu của người giám hộ.
(후견인의 성명과 서명날인하세요.)
- Số điện thoại và e-meil của người giám hộ.
(후견인의 전화번호와 이메일을 쓰세요.)

❖ Họ hàng trực hệ. (직계존속)

※ Thỏa thuận kết thúc con nuôi của người dưới 15 tuổi. (15세미만자의 과양협의)

- Tên của tòa án cấp phép. (허가법원의 이름을 쓰세요.)
- Ngày tòa án cấp phép. (허가날짜를 쓰세요.)
- Sự cam kết giữa bên khiếu nại và bên bị khiếu nại.
(소의 제기자인지 소의 상대방인지 확인 하세요.)

- Số điện thoại với e mail. (전화번호와 이메일을 쓰세요.)

⑨ Người đệ trình. (제출자)

※ Phương pháp điền văn bản. (작성방법)

- Người đệ trình(người báo cáo không có bất cứ liên quan nào)họ tên và số chứng minh nhân dân.

(제출자(신고인 여부 불문)의 성명 및 주민등록번호 기재)

- Họ tên và số chứng minh nhân dân của người đệ trình.
(제출자의 성명과 주민등록번호를 쓰세요.)

❖ Giấy tờ đính kèm. 첨부서류

※ Khoản 1 dưới đây trường hợp có thể xác nhận nội dung đó bằng máy vi tính tại văn phòng đăng ký quan hệ gia đình thì có thể bỏ qua đính kèm.

(아래 1항은 가족관계등록관서에서 전산으로 그 내용을 확인할 수 있는 경우
첨부를 생략합니다.)

1. Giấy chứng nhận quan hệ nhận con nuôi của bản đăng ký quan hệ gia đình của bên liên quan kết thúc quan hệ con nuôi mỗi loại 1bản..

(과양당사자의 가족관계등록부의 입양관계증명서 각 1통.)

2. Trường hợp phiên tòa kết thúc quan hệ con nuôi, bản sao phán quyết và giấy chứng nhận quyết định mỗi loại 1 bản.

(재판상 과양의 경우 판결등본 및 확정증명서 각 1부.)

3. Trường hợp thành lập điều chỉnh (hòa giải) của kết thúc quan hệ con nuôi: bản sao biên bản điều chỉnh (hòa giải) và giấy chứng nhận chuyển phát tận nơi : mỗi loại 1 bản.

(과양의 조정(화해)성립의 경우 조정(화해)조서등본 및 그 송달증명서 각 1부.)

4. Giấy tờ chứng nhận đúng người thích hợp ở mỗi số điều 4 Luật đặc biệt: 1 bản, theo (「Luật đặc biệt liên quan đến thủ tục và xúc tiến nhận con nuôi」 con nuôi được nhận làm con nuôi do kết thúc quan hệ con nuôi làm bản báo cáo kết thúc quan hệ con nuôi, trường hợp để phục hồi họ và chữ họ nguyên bản nguyên gốc của con nuôi phải đính kèm bản báo cáo kết thúc quan hệ con nuôi.

(특례법 제4조 각 호에 해당되었던 사람임을 증명하는 서면 1부(「입양촉진 및 양자의 본래의 성과 본을 회복하고자 하는 경우 과양신고서에 첨부합니다).

5. kết thúc quan hệ con nuôi chứng nhận thực tế đồng ý đã viết hay người giám hộ trường hợp người giám hộ hoặc họ hàng trực hệ ở sinh quán thỏa thuận kết thúc quan hệ con nuôi, giấy phép của tòa án : 1 bản

(과양을 동의한 사람이 작성한 동의사실을 증명하는 서면과 후견인이 과양 동의한 경우이거나 후견인 또는 생가의 다른 직계존속이 과양협의를 한 경우에는 법원의 허가서 각 1부.)

6. Xác định nhân thân[theo điều số 23 quy tắc đăng ký quan hệ gia đình].

(신분확인[가족관계등록예규 제23호에 의함])

① Kết thúc quan hệ con nuôi bằng phiên tòa. (재판상 과양)

- Trường hợp người báo cáo hiện diện: giấy chứng nhận nhân thân.

(신고인이 출석한 경우 : 신분증명서)

■ Trường hợp người đệ trình hiện diện: giấy chứng nhận nhân thân của người đệ trình. (제출인이 출석한 경우 : 제출인의 신분증명서)

■ Trường hợp đệ trình bằng bưu chính: bản phô tô giấy chứng nhận nhân thân của người báo cáo. (우편제출의 경우 : 신고인의 신분증명서 사본)

② Trường hợp hiệp ý thỏa thuận. (협의파양의 경우)

■ Trường hợp người báo cáo hiện diện: tất cả giấy chứng nhận nhân thân của người báo cáo.

(신고인이 출석한 경우 : 신고인 모두의 신분증명서)

■ Trường hợp người báo cáo không hiện diện, người đệ trình hiện diện: giấy chứng nhận nhân thân của người đệ trình và tất cả giấy chứng nhận nhân thân của người báo cáo hoặc công chứng chữ ký hoặc giấy chứng nhận dấu ấn niêm phong (người báo cáo không có giấy chứng nhận nhân thân, tại văn phòng báo cáo đóng dấu ấn niêm phong thì chứng nhận dấu ấn niêm phong).

(신고인 불출석, 제출인 출석의 경우 : 제출인의 신분증명서 및 신고인 모두의 신분증명서 또는 서면공증 또는 인감증명서(신고인의 신분증명서 없이 신고서에 신고인이 서명한 경우 서명공증, 신고서에 인감 날인한 경우 인감증명).)

■ Trường hợp đệ trình bằng bưu chính: tất cả công chứng chữ ký của người báo cáo hoặc giấy chứng nhận dấu ấn niêm phong (tại văn phòng báo cáo trường hợp ký tên thì công chứng chữ ký, trường hợp đóng dấu ấn niêm phong thì giấy chứng nhận dấu ấn niêm phong).

(인감증명 공증, 인감을 날인한 경우는 인감증명서)

※ Thỏa thuận kết thúc quan hệ con nuôi Luật pháp điều 64 khoản 1 người thỏa thuận hiện diện nếu đính kèm giấy chứng nhận dấu ấn niêm phong hoặc xuất trình giấy chứng nhận nhân thân thì người báo cáo xuất trình giấy chứng nhận nhân thân hoặc đính kèm giấy chứng nhận dấu ấn niêm phong.

(협의파양에 있어서 법 제64조제1항의 협의를 한 사람의 출석 또는 신분증명서의

제시가 있거나 인감증명서의 첨부가 있으면 신고인의 신분증명서 제시 또는 인감증명서의 첨부한 것으로 볼 수 있습니다.)